

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội
- Tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Vật tư tiêu hao sử dụng cho phân tích năm 2025 tại Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội
- Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Mua sắm vật tư tiêu hao sử dụng cho phân tích năm 2025
- Giá gói thầu: 606.056.000 VND
- Nguồn vốn: Hoạt động kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm năm 2025
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 45 ngày
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2025
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 50 ngày
- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng

2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu chung

- Nhà thầu đủ điều kiện cung cấp hàng hóa theo quy định pháp luật hiện hành;
- Hàng hóa mới 100%, đảm bảo hạn sử dụng tối thiểu 06 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 01 đến 02 năm; ¼ hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng dưới 01 năm theo nhà sản xuất khi bàn giao hàng hóa;
- Nhà thầu đề xuất phạm vi cung cấp, ngày giao hàng phù hợp với tiến độ thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

b) Yêu cầu về kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
1	Băng keo chỉ thị nhiệt 3M hoặc tương đương	Chỉ thị nhiệt hấp ướt	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
2	Bình cầu đáy bằng cổ nhám 1000 ml	Bình cầu đáy bằng cổ nhám Chất liệu thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Dung tích: 1000 ml Đường kính trong của cổ: 24 mm Cỡ nút côn (NS): 24/29	
3	Bình cầu đáy bằng cổ nhám 500 ml	Bình cầu đáy bằng cổ nhám Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Dung tích: 500 ml Đường kính trong của cổ: 24 mm Cỡ nút côn (NS): 24/29	
4	Bình định mức thủy tinh, màu nâu, 50 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Màu: nâu Dung tích: 50 ml Đường kính trong của cổ: 13 mm $\pm$ 1 Cỡ nút côn (NS): 14/23 Sai số ($\pm$): $\leq$ 0,100 ml Nút nhựa	
5	Bình định mức thủy tinh, màu nâu 100 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Màu: nâu Dung tích: 100 ml Đường kính trong của cổ: 13 mm $\pm$ 1 Cỡ nút côn (NS): 14/23 Sai số: $\pm$ 0,100 ml Nút nhựa	
6	Bình định mức thủy tinh, màu nâu, 200 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Màu: nâu Dung tích: 200 ml Đường kính trong của cổ: 15,5 mm $\pm$ 1,5 Cỡ nút côn (NS): 14/23 Sai số: $\pm$ 0,150 ml Nút nhựa	
7	Bình định mức thủy tinh, màu trắng, 5 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Màu: trắng Dung tích: 5 ml Đường kính trong của cổ: 9 mm $\pm$ 1 Cỡ nút côn (NS): 10/19 Sai số: $\pm$ 0,040 ml Nút nhựa	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
8	Bình định mức thủy tinh, màu trắng, 10 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Màu: trắng Dung tích: 10 ml Đường kính trong của cổ: 9 mm $\pm$ 1 Cỡ nút côn (NS): 10/19 Sai số: $\pm$ 0,025 ml Nút nhựa	
9	Bình định mức thủy tinh, màu trắng, 20 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Màu: trắng Dung tích: 20 ml Đường kính trong của cổ: 9 mm $\pm$ 1 Cỡ nút côn (NS): 10/19 Sai số: $\pm$ 0,040 ml Nút nhựa	
10	Bình định mức thủy tinh, màu trắng, 25 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Màu: trắng Dung tích: 25 ml Đường kính trong của cổ: 9 mm $\pm$ 1 Cỡ nút côn (NS): 10/19 Sai số: $\pm$ 0,040 ml Nút nhựa	
11	Bình định mức thủy tinh, màu trắng, 50 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Màu: trắng Dung tích: 50 ml Đường kính trong của cổ: 13 mm $\pm$ 1 Cỡ nút côn (NS): 14/23 Sai số ($\pm$): $\leq$ 0,100 ml Nút nhựa	
12	Bình định mức thủy tinh, màu trắng, 100 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Màu: trắng Dung tích: 100 ml Đường kính trong của cổ: 13 mm $\pm$ 1 Cỡ nút côn (NS): 14/23 Sai số: $\pm$ 0,100 ml Nút nhựa	
13	Bình định mức thủy tinh, màu trắng 200 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
		Màu: trắng Dung tích: 200 ml Đường kính trong của cổ: 15,5 mm $\pm$ 1,5 Cỡ nút côn (NS): 14/23 Sai số: $\pm$ 0,150 ml Nút nhựa	
14	Bình định mức thủy tinh, màu trắng 250 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Màu: trắng Dung tích: 250 ml Đường kính trong của cổ: 15,5 mm $\pm$ 1,5 Cỡ nút côn (NS): 14/23 Sai số: $\pm$ 0,150 ml Nút nhựa	
15	Bình gạn 250 ml	Phiếu chiết quả lê Dung tích: 250 ml Chất liệu: thủy tinh, khóa nhựa, cổ mài, nắp lục giác nhựa. Cỡ nút côn (NS): 29/32	
16	Bình kỵ khí Oxoid hoặc tương đương	Chất liệu: nhựa Kích thước: 2,5L, chứa được 12 đĩa petri	
17	Bình nón không nút mài thủy tinh, 250 ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Dung tích: 250ml	
18	Bình nón nút mài thủy tinh, 100 ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Dung tích: 100 ml, có chia vạch Nút mài thủy tinh Cỡ nút côn (NS): 29/32	
19	Bình nón nút mài thủy tinh, 250 ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Dung tích: 250 ml, có chia vạch Nút mài thủy tinh Cỡ nút côn (NS): 29/32	
20	Bình tia nước	Chất liệu nhựa Thể tích: 250ml	
21	Bộ rây kiểm tra độ mịn của thuốc	Chất liệu: kim loại Số rây, cỡ mắt rây và đường kính sợi dây theo Bảng 3.5 – Phụ lục 3.5 – Dược Điển Việt Nam 5	Bộ 12 chiếc cho các cỡ mắt rây
22	Bộ kẹp cổ bình cầu và sinh hàn	- Kẹp căng cua: Chất liệu: Inox, dài 20-30 cm, khẩu độ $\leq$ 8cm - Kẹp có vít xoáy gắn ở đầu kẹp có thể xoay vít ngược theo chiều kim đồng hồ để mở rộng khẩu độ của kẹp.	
23	Bông thấm nước	Hàng hóa mới 100%	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
24	Bơm tiêm vô trùng 5ml	Vô trùng, không chất gây sốt	
25	Cốc cân 50 x 30, thủy tinh	Chất liệu thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương, có nắp, chịu được nhiệt độ cao, đáy tròn	
26	Cốc có mỏ, thủy tinh 25ml	Chất liệu thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Thể tích 25ml Có chia vạch	
27	Cốc có mỏ, thủy tinh 50ml	Chất liệu thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Thể tích 50ml Có chia vạch	
28	Cốc có mỏ, thủy tinh, 10 ml	Chất liệu thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Thể tích 10ml Có chia vạch	
29	Cốc có mỏ, thủy tinh, 100 ml	- Chất liệu thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương - Thể tích 100ml - Có chia vạch	
30	Cốc có mỏ, thủy tinh, 1000 ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Thể tích : 1000 ml Đường kính miệng cốc khoảng 11 cm Có chia vạch	
31	Cốc có mỏ, thủy tinh, 250 ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Thể tích : 250 ml Có chia vạch	
32	Cốc có mỏ, thủy tinh, 500 ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Thể tích : 500 ml Có chia vạch	
33	Chai thủy tinh GL 32 - 50ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Dung tích 50ml, có chia vạch; Màu trắng	
34	Đầu côn 100µl- 1000µl	Chất liệu nhựa, chịu được hoá chất phù hợp với Micropipet EFFENDORF	
35	Đầu côn 500µl- 5000µl	Chất liệu nhựa, chịu được hoá chất phù hợp với Micropipet EFFENDORF	
36	Đầu côn không nội độc tố 20 - 200µl	- Không có nội độc tố phù hợp với Micropipet EFFENDORF	
37	Đầu côn không nội độc tố 20 - 1000µl	- Không có nội độc tố phù hợp với Micropipet EFFENDORF	
38	Đầu côn micropipette 20 µl - 200 µl	Chất liệu nhựa, chịu được hoá chất phù hợp với Micropipet EFFENDORF	
39	Đèn cồn	Chất liệu: Thủy tinh chịu nhiệt	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
40	Đĩa petri thủy tinh ø100mm	Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt trong suốt, nắp phẳng đồng nhất Đĩa petri 100mm x 20mm	
41	Đĩa Rodac Plate 60 x 15mm	Loại đáy: lõi Kích thước trong: 57.4 x 9.5mm Diện tích bề mặt: 21.5 cm ² Đã tiệt trùng	
42	Đũa thủy tinh	Chất liệu: thủy tinh Chiều dài: 30cm	
43	Găng tay cao su dùng một lần có bột cỡ M	- Chất liệu cao su - Không vô trùng - Có bột	Hộp 100 cái
44	Găng tay cao su vô trùng không bột (size 7)	- Chất liệu cao su tự nhiên - Vô trùng	Hộp 100 cái
45	Giá đựng ống ly tâm	Chất liệu nhựa, 25 vị trí	
46	Giá đựng ống nghiệm	Chất liệu nhựa, 36 vị trí, đựng được ống nghiệm loại đường kính 180mm	
47	Giấy lọc φ 11 cm, lỗ lọc 15 - 20 μm	Loại dùng cho định lượng. Giấy lọc tốc độ trung bình, cỡ lỗ lọc 15 ÷ 20 μm. Đường kính: φ 11 cm. Hàm lượng tro ≤ 0,01 %	
48	Giấy Parafilm	Không tiệt trùng; Rộng × Dài :5 cm × 76 m	
49	Hộp đựng Vial sắc ký	Loại 100 vị trí Chất liệu: Nhựa chịu được hoá chất Phù hợp với Vial sắc ký loại 1,5 ml - 2 ml Có nắp đậy	
50	Kéo	Chất liệu : Inox Kích thước: 16cm	
51	Kéo cong 2 đầu nhọn	Chất liệu : Inox Kích thước: 18cm	
52	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp 50 cái
53	Màng lọc Cenllulose Nitrate Filter 0,2μm, 47mm tiệt trùng, kẻ sọc, không pad hoặc tương đương	Kích thước màng lọc: φ 47mm Chất liệu: Cenllulose Nitrate Kích thước lỗ lọc: 0,2μm Có tiệt trùng đóng gói riêng từng màng	
54	Màng lọc Cenllulose Nitrate Filter 0,45μm, 47mm tiệt trùng, kẻ sọc, không pad hoặc tương đương	Kích thước màng lọc: φ 47mm Chất liệu: Cenllulose Nitrate Kích thước lỗ lọc: 0,45μm Có tiệt trùng đóng gói riêng từng màng	
55	Màng lọc Nylon Syringe Filter, 0.45um, 25mm hoặc tương đương	- Đầu lọc nối vừa với xi lanh - Chất liệu Nylon - Đường kính 25mm, cỡ lỗ 0,45 μm.	Hộp 50 chiếc
56	Màng lọc regenerated cellulose Syringe Filter,	- Đầu lọc nối vừa với xi lanh - Chất liệu regenerated cellulose - Đường kính 25mm, cỡ lỗ 0,45 μm.	Hộp 50 chiếc

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
	0.45um, 25mm hoặc tương đương	- Thích hợp với các dung môi ưa nước, có khả năng kháng DMSO, các amit khác, xeton, este và các hợp chất ete.	
57	Màng nhôm bọc thực phẩm Aluminium Foil 45 (16mm x 45cm x 5m) hoặc tương đương	Màng nhôm lá mỏng kích thước: 45cm x 5m	Hộp 01 cuộn
58	Mao quản chấm sắc ký 2 µl	Chất liệu thủy tinh Màu trắng Chiều dài: 2-3 cm $R \leq 0.5 \%$, $CV \leq 1 \%$	100 cái/lo
59	Mao quản chấm sắc ký 5 µl	Chất liệu thủy tinh Màu trắng Chiều dài: 2-3 cm $R \leq 0.5 \%$, $CV \leq 1 \%$	100 cái/lo
60	Nắp vial 2ml kèm Septa Silicon/PTFE hoặc tương đương	-Nắp vial tiêm mẫu tự động 2ml. -Nắp bằng nhựa đường kính 12mm -Septa bằng Silicone/ màng PTFE đường kính 9mm	Túi 100 chiếc
61	Ống ly tâm	Chất liệu: Nhựa chịu hoá chất Thể tích: 50 ml Có chia vạch Nắp nhựa chịu hoá chất	
62	Ống nghiệm nút xoáy 18 mm	Loại A Chất liệu thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương trong suốt, có nắp vặn, chịu nhiệt độ cao, không chia vạch, đáy tròn Kích thước 18 x 180mm	
63	Ống sinh hàn 24/29	- Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương - Dạng thẳng, cổ mài, cỡ nút côn (NS): 24/29, dài 300mm	
64	Ống sinh hàn 29/32	- Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương - Dạng thẳng, cổ mài, cỡ nút côn (NS): 29/32, dài 300mm	
65	Pank kẹp có mẫu	Chất liệu bằng thép không gỉ Loại thẳng, dài 25 cm, có mẫu	
66	Pank kẹp không mẫu	Chất liệu bằng thép không gỉ Loại thẳng, dài 25 cm, không mẫu	
67	Pipet thẳng chia vạch 1 ml	- Loại B - Chất liệu: Thủy tinh - Độ chính xác chia vạch: 0,02 ml	
68	Pipet thẳng chia vạch 10 ml	- Loại B - Chất liệu: Thủy tinh - Độ chính xác chia vạch: 0,1 ml	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
69	Pipet thẳng chia vạch 25 ml	- Loại B - Chất liệu: Thủy tinh - Độ chính xác chia vạch: 0,1 ml	
70	Pipet thẳng chia vạch 5 ml	- Loại B - Chất liệu: Thủy tinh - Độ chính xác chia vạch: 0,05 ml	
71	Phễu nhựa	Chất liệu nhựa, màu trắng, chịu được hoá chất Đường kính: 6 - 8cm	
72	Quả bóp 3 van	Chất liệu cao su trung tính, chịu được hóa chất	
73	Syringe 5 ml	Chất liệu: Thủy tinh, loại A Thể tích: 5 ml, có chia vạch Có đầu nối với màng lọc	
74	Túi AnaeroPack - Anaero hoặc tương đương	Sản phẩm dùng cho nuôi cấy kỵ khí với số lượng lớn	Túi 10 cái
75	Túi hấp tiệt trùng dạng đơn Duo Check (hơi nước/EO) hoặc tương đương	Lớp giấy: loại giấy y khoa (60gsm) Lớp nhựa: nhựa polypropylene cán polyester 2ml Lớp keo dính: 2 mặt phủ lớp polyester 1/2 mil với keo dính acrylic, có khả năng chịu nhiệt tốt Kích cỡ: 30x46cm	
76	Thìa mức hoá chất inox Micro (Thìa cân) hoặc tương đương	Chất liệu bằng thép không gỉ dài 20 - 25 cm, một đầu dạng chiếc thìa nhỏ, một đầu phẳng.	
77	Túi dập mẫu không lọc	Thể tích túi 400 ml Chất liệu PolySilk (Polyolefin complex)	500 cái/hộp
78	Túi dập mẫu có lọc	Thể tích túi 400 ml Kích thước lọc 280µm	500 cái/hộp
79	Giá Đỡ Phễu Chiết (Bình Lắng Gạn)	- Chất liệu thép không gỉ - Kích thước: 4 lỗ, phù hợp cho Phễu 250ml - Chân đế có hỗ trợ lên xuống, có thể điều chỉnh độ cao từ 250-450mm	

3. Các yêu cầu khác

- Nộp và thực hiện theo yêu cầu khi chủ đầu tư hoặc chủ đầu tư yêu cầu các bản cam kết sau:

- + Tất cả các hàng hóa và dịch vụ liên quan có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp;
- + Hàng hóa cung cấp mới 100%, đảm bảo hạn sử dụng tối thiểu 06 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 01 đến 02 năm; ¼ hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng dưới 01 năm theo nhà sản xuất khi bàn giao hàng hóa;
- + Cung cấp hàng mẫu trong trường hợp có yêu cầu của Chủ đầu tư;

+ Thời gian giao hàng: Chậm nhất là 72 giờ sau khi nhận được dự trù của bên mua (bằng E-mail hoặc điện thoại trong trường hợp khẩn cấp); Riêng đối với hàng hóa trúng thầu dùng đột xuất, khẩn cấp... bắt buộc giao hàng tại kho bên mua không quá 24 giờ;

+ Thu hồi hàng hoá trong trường hợp hàng hoá đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, hoặc không sử dụng được với trang thiết bị hiện có của đơn vị thụ hưởng, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của chủ đầu tư;

+ Có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT hoặc ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT;

+ Thông báo bằng văn bản đến chủ đầu tư trong trường hợp hàng hóa có bất kỳ thay đổi từ nhà sản xuất.

- Nhà thầu chuẩn bị 1 bộ E-HSDT bản gốc để Chủ đầu tư lưu trữ khi được mời đối chiếu tài liệu.